

Bản án số: 01/2025/DS-ST
Ngày: 04-7-2025
V/v: “Tranh chấp hợp đồng
vay tài sản”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 17 - LÂM ĐỒNG

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Ông M Thuận.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Lưu Trọng Kim và ông Nguyễn Văn Thiện.

Thư ký Toà án ghi biên bản phiên toà: Ông **Bùi Chí Bảo** – Thư ký Toà án nhân dân khu vực 17, tỉnh Lâm Đồng.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 17, tỉnh Lâm Đồng tham gia phiên toà: **Ông Nguyễn Hải Lĩnh** - Kiểm sát viên.

Ngày 04 tháng 7 năm 2025, tại trụ sở Toà án nhân dân khu vực 17, tỉnh Lâm Đồng xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 412/2024/TLST-DS ngày 22 tháng 11 năm 2025, về việc: “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 81/2025/QĐXXST-DS ngày 01 tháng 4 năm 2025, Quyết định hoãn phiên tòa số 61/2025/QĐST-DS ngày 16 tháng 4 năm 2025, Quyết định hoãn phiên tòa số 92/2025/QĐST-DS ngày 16 tháng 5 năm 2025, Quyết định tạm ngừng phiên tòa số 12/2025/QĐST-DS ngày 06 tháng 6 năm 2025 của Tòa án nhân dân huyện Đức Linh cũ (nay là Tòa án nhân dân khu vực 17, tỉnh Lâm Đồng mới), giữa các bên đương sự:

- **Nguyên đơn:** Bà Nguyễn Thị N, sinh năm 1967;

Nơi cư trú: Số 61, đường ĐT 766, thôn 2, xã Th, huyện Đức Linh, tỉnh Bình Thuận cũ (nay là xã Trà Tân, tỉnh Lâm Đồng mới).

- **Bị đơn:** Bà Huỳnh Thị L, sinh năm 1968;

- **Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:** Ông Phạm M, sinh năm 1969;

Cùng nơi cư trú: Số 27, đường Ngô Quyền, khu phố 6, thị trấn Đức Tài, huyện Đức Linh, tỉnh Bình Thuận cũ (nay là xã Hoài Đức, tỉnh Lâm Đồng mới).

Tại phiên tòa, có mặt nguyên đơn, vắng mặt bị đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện và quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn trình bày:

Do chỗ quen biết nên vào ngày 02/5/2022, bà N có cho bà L vay số tiền 30.000.000đồng, lãi suất thỏa thuận miệng là 3%/tháng. Bà L vay tiền để làm ăn

kinh tế trong gia đình bà. Bà N không có chồng, số tiền cho vay là tài sản riêng của bà L. Từ ngày vay cho đến nay, bà L chỉ trả cho bà N được 6.000.000đồng tiền nợ vay, còn nợ lại 24.000.000đồng tiền nợ vay, tiền lãi thì không trả.

Tiền lãi phát sinh tạm tính từ ngày 02/5/2022 đến ngày 02/11/2024 là 30 tháng x 1,66%/tháng x 24.000.000đồng = 11.952.000 đồng.

Bà N yêu cầu vợ chồng bà L phải trả nợ gốc 24.000.000 đồng và tiền lãi là 11.952.000đồng.

Quá trình giải quyết vụ án, bị đơn trình bày:

Trước đây, bà L có mượn tiền trả góp của bà N là 20.000.000đồng, bà Léo góp được 25 ngày, sáu đó bà L bệnh nên không góp nữa. Góp 25 ngày (năm triệu), còn lại bà L đưa cho mẹ bà N 1.000.000đồng. Tổng cộng bà Léo đã trả được 6.000.000đồng, còn lại 14.000.000đồng. Bà L vay tiền của bà N là để mua thuốc uống và trang trải cuộc sống gia đình.

Bà L chỉ đồng ý trả cho bà N số tiền nợ còn lại là 14.000.000đồng và khoản vay này vay góp nên bà L không đồng ý trả lại theo yêu cầu của bà N. Chữ viết và chữ ký trong giấy mượn nợ lập ngày 02/5/2022 đúng là của bà L.

Đôi vối người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Phạm M trình bày: Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã tổng đạt hợp lệ thông báo thụ lý vụ án, thông báo hòa giải, giấy triệu tập và Quyết định đưa vụ án ra xét xử cho người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Phạm M (thông qua vợ ông Phạm M là bà L) theo địa chỉ do nguyên đơn cung cấp; tuy nhiên người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Phạm M không đến Tòa án tham gia tố tụng, không cung cấp ý kiến phản đối của bị đơn đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn và cũng không cung cấp tài liệu, chứng cứ để bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Phạm M; mặt dù Tòa án đã trực tiếp đến nhà để ghi ý kiến của ông Phạm M nhưng ông M từ chối cung cấp.

Tại phiên tòa:

Nguyên đơn thay đổi một phần yêu cầu khởi kiện ban đầu, cụ thể: nguyên đơn yêu cầu bà L và ông M có nghĩa vụ liên đới trả cho vợ chồng nguyên đơn số tiền nợ vay gốc là 24.000.000đồng và không yêu cầu tính lãi đến giai đoạn xét xử. Tuy nhiên, nguyên đơn yêu cầu bà L và ông M phải chịu lãi chậm trả trong giai đoạn thi hành án.

Bị đơn chỉ đồng ý trả cho nguyên đơn số tiền nợ gốc còn lại là 14.000.000đồng với tư cách cá nhân bị đơn và không liên quan gì đến ông M, không đồng ý trả tiền lãi (lời khai tại phiên tòa ngày 6/6/2025).

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Phạm M vắng mặt.

Phát biểu của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 17, tỉnh Lâm Đồng tại phiên tòa:

Về việc tuân theo pháp luật tố tụng: Thẩm phán, Thư ký Tòa án và Hội đồng xét xử trong quá trình thụ lý, giải quyết vụ án đã thực hiện đầy đủ trình tự thủ tục tố

tụng được pháp luật quy định tại Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015. Nguyên đơn, bị đơn đã thực hiện đúng quyền, nghĩa vụ tố tụng được quy định tại các Điều 70, 71 của Bộ luật tố tụng dân sự. Bị đơn, Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Phạm M chưa thực hiện đúng quyền, nghĩa vụ tố tụng được quy định tại các Điều 70, 72, 73 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Ý kiến về việc giải quyết vụ án: Qua nghiên cứu xem xét các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và lời trình bày của các bên đương sự tại phiên tòa hôm nay, xét thấy việc nguyên đơn khởi kiện là hoàn toàn có cơ sở. **Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn; buộc ông M và bà L liên đới trả cho bà N số tiền nợ vay gốc là 24.000.000 đồng. Đình chỉ giải quyết về lãi suất.**

Về án phí: Buộc bà L và ông M phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

(có bài phát biểu kèm theo)

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết:

Nguyên đơn khởi kiện yêu cầu vợ chồng bị đơn thanh toán tiền nợ vay; bị đơn có nơi đăng ký hộ khẩu thường trú tại khu phố 6, thị trấn Đức Tài, huyện Đức Linh, tỉnh Bình Thuận cũ (nay là xã Hoài Đức, tỉnh Lâm Đồng mới).

Căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, Điều 463 của Bộ luật dân sự năm 2015; **khoản 2 Điều 1 của Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2025; Nghị quyết số 01/2025/NQ-HĐTP ngày 27/6/2025 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao**, Hội đồng xét xử xác định đây là vụ án tranh chấp hợp đồng vay tài sản thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân khu vực 17 – Lâm Đồng.

[2] Về tố tụng: Bị đơn và Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan (Phạm M) đã được tổng đạt hợp lệ Quyết định đưa vụ án ra xét xử, Quyết định hoãn phiên tòa, Quyết định tạm ngừng phiên tòa và giấy triệu tập tham gia phiên tòa nhưng vắng mặt và không có đơn xin xét xử vắng mặt.

Căn cứ Điều 227, Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự 2015, Tòa án nhân dân huyện Đức Linh xét xử vắng mặt Bị đơn và Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Phạm M.

[3] Về chứng cứ: Tại phiên tòa, đương sự không nộp tài liệu, chứng cứ mới để bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của mình. Do đó, Hội đồng xét xử căn cứ tài liệu, chứng cứ mà đương sự đã giao nộp có trong hồ sơ vụ án và Tòa án đã thu thập được theo khoản 1 Điều 96 của Bộ luật Tố tụng dân sự để xét xử vụ án.

[4] Về nội dung: Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và do các đương sự cung cấp tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định nội dung vụ án như sau:

[4.1] Về tính pháp lý của giao dịch dân sự:

Quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn cung cấp cho Tòa án bản gốc của 01 giấy mượn tiền lập ngày 02/5/2022; quá trình hòa giải bị đơn thừa nhận chữ ký và chữ viết tên Huỳnh Thị L trong giấy mượn tiền mà nguyên đơn cung cấp là do bị đơn tự ký và viết tên. Đây là tình tiết, sự kiện đã được các đương sự thống nhất thừa nhận nên thuộc trường hợp không phải chứng minh theo quy định tại Điều 92 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Theo nội dung thể hiện trong tài liệu do nguyên đơn cung cấp và được bị đơn thừa nhận thì có cơ sở xác định đây là hợp đồng vay tài sản, lập thành văn bản, không thỏa thuận thời hạn vay, không ghi nội dung về lãi suất vay nhưng các bên có thỏa thuận miệng và các thỏa thuận khác. Tại thời điểm xác lập giao dịch vay tiền hai bên đều đầy đủ năng lực hành vi dân sự, các thỏa thuận không trái pháp luật, không trái đạo đức xã hội; do đó giao dịch vay tiền thể hiện qua giấy mượn tiền đề ngày 02/5/2022 đảm bảo các quy định tại Điều 117, 118, 119 và 463 của Bộ luật dân sự, nên được pháp luật dân sự bảo vệ.

Căn cứ Điều 429 của Bộ luật dân sự năm 2015, nguyên đơn khởi kiện là trong thời hạn luật định.

[4.2] Về xác định nghĩa vụ trả nợ vay:

Tại Điều 466 của Bộ luật dân sự quy định nghĩa vụ trả nợ của bên vay như sau:

“1. Bên vay tài sản là tiền thì phải trả đủ tiền khi đến hạn; nếu tài sản là vật thì phải trả vật cùng loại đúng số lượng, chất lượng, trừ trường hợp có thỏa thuận khác.”

Tại phiên tòa ngày 6/6/2025, bị đơn chỉ thừa nhận có vay mượn của nguyên đơn số tiền 20.000.000đồng nhưng thực tế ghi vào giấy nợ là 30.000.000đồng, sau khi vay tiền thì bà L đã trả góp được một phần nợ gốc và chỉ còn nợ lại số tiền 14.000.000đồng (góp 25 ngày tổng 5.000.000đồng và trả tiền mặt đưa cho mẹ bà N 1.000.000đồng), theo đó bị đơn chỉ đồng ý trả cho nguyên đơn số tiền 14.000.000đồng, trả với tư cách cá nhân của bị đơn, không liên quan đến ông Phạm M, nhưng nguyên đơn không thừa nhận lời khai tại phiên tòa của bị đơn.

Tuy nhiên, căn cứ vào giấy nợ lập ngày 02/5/2022 có chữ ký “L” và chữ viết tên “Huỳnh Thị L” đã được bị đơn thừa nhận trong quá trình giải quyết vụ án đúng là chữ ký và chữ viết tên của bị đơn, bị đơn thừa nhận tại thời điểm ký xác lập giấy nợ cho nguyên đơn thì bị đơn hoàn toàn minh mẫn, đầy đủ nhận thức và điều khiển hành vi, bị đơn biết chữ; **Tại phiên tòa ngày 06/6/2025, bị đơn thay đổi lời khai và không thừa nhận chữ ký và chữ viết trong giấy nợ lập ngày 02/5/2022 nhưng bị đơn không cung cấp chứng cứ chứng minh và cũng không thực hiện thủ tục giám định chữ ký, chữ viết trong giấy nợ theo yêu cầu của Hội đồng xét xử;** do đó, bị đơn phải chịu trách nhiệm pháp lý về hành vi dân sự của mình. Nguyên đơn thừa nhận bị đơn

đã trả được 6.000.000đồng. Do đó, lời khai của bị đơn cho rằng đã trả cho nguyên đơn số tiền 6.000.000đồng có căn cứ, nên Hội đồng xét xử chấp nhận lời khai của bị đơn. Bị đơn cho rằng chỉ còn nợ nguyên đơn số tiền 14.000.000đồng là không có căn cứ để chấp nhận.

Như vậy, nguyên đơn sử dụng giấy mượn tiền đề ngày 02/5/2022 để yêu cầu vợ chồng bị đơn trả số tiền nợ gốc 24.000.000 đồng là có căn cứ, nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

Về xác định người có nghĩa vụ thanh toán: Quá trình giải quyết vụ án, ông Phạm M biết nội dung khởi kiện của nguyên đơn nhưng không hợp tác tham gia tố tụng, tuy nhiên theo lời khai của bị đơn thì mục đích vay tiền là để trang trải cuộc sống gia đình; nhận thấy, việc bà L thực hiện giao dịch vay tiền của vợ chồng nguyên đơn được xác lập trong thời kỳ hôn nhân giữa bà L và ông M, tuy nhiên bà L và ông M không chứng minh được đây là nghĩa vụ riêng của bà L trong thời kỳ hôn nhân với ông M, đồng thời mục đích vay tiền của bị đơn là **để trang trải cuộc sống gia đình**. Do đó, nguyên đơn yêu cầu bà L và ông M liên đới thanh toán cho nguyên đơn số tiền nợ vay 24.000.000 đồng là hoàn toàn phù hợp quy định tại các Điều 27, 30, 33 và 37 của Luật hôn nhân gia đình năm 2014.

Tại khoản 1 Điều 30 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 quy định về Quyền, nghĩa vụ của vợ, chồng trong việc đáp ứng nhu cầu thiết yếu của gia đình như sau:

“1. Vợ, chồng có quyền, nghĩa vụ thực hiện giao dịch nhằm đáp ứng nhu cầu thiết yếu của gia đình.”

Tại khoản 2 Điều 37 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 quy định về Nghĩa vụ chung về tài sản của vợ chồng như sau:

“Vợ chồng có các nghĩa vụ chung về tài sản sau đây:

2. Nghĩa vụ do vợ hoặc chồng thực hiện nhằm đáp ứng nhu cầu thiết yếu của gia đình;”

Tại Điều 27 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 quy định về trách nhiệm liên đới của vợ, chồng như sau:

“1. Vợ, chồng chịu trách nhiệm liên đới đối với giao dịch do một bên thực hiện quy định tại khoản 1 Điều 30 hoặc giao dịch khác phù hợp với quy định về đại diện tại các điều 24, 25 và 26 của Luật này.

2. Vợ, chồng chịu trách nhiệm liên đới về các nghĩa vụ quy định tại Điều 37 của Luật này.”

[4.3] Về lãi suất: Tại phiên tòa, nguyên đơn không yêu cầu tính lãi suất phát sinh, đây là sự tự nguyện của nguyên đơn và trong phạm vi khởi kiện ban đầu nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

Nguyên đơn yêu cầu bên có nghĩa vụ tiếp tục chịu lãi suất đối với số tiền còn phải thi hành án đến khi thi hành án xong là phù hợp quy định tại Điều 357, 468 của Bộ luật dân sự năm 2015 và Điều 13 của Nghị quyết 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng

một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm, nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[5] Về án phí: Do yêu cầu khởi kiện được chấp nhận nên nguyên đơn không phải chịu án phí DSST. Buộc vợ chồng bị đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo luật định.

[6] Quan điểm của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 17 – Lâm Đồng tại phiên tòa phù hợp với những nhận định nêu trên.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ: Khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 92; Điều 93; Điều 95; Điều 217, Điều 219, Điều 227, Điều 228, Điều 235, khoản 1 Điều 147; Điều 161, Điều 262; Điều 271, Điều 273 của Bộ luật Tổ tụng dân sự; Nghị quyết số 01/2025/NQ-HĐTP ngày 27/6/2025 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao.

Áp dụng Điều 274, Điều 280, Điều 357, Điều 463, Điều 466, Điều 468 của Bộ luật dân sự 2015; Điều 27, 30, 33, 37 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án; Nghị quyết 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm; Điều 26 của Luật thi hành án dân sự.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của **nguyên đơn Nguyễn Thị N.**

Buộc bà Huỳnh Thị L và ông Phạm M có nghĩa vụ liên đới trả cho bà Nguyễn Thị N số tiền nợ vay gốc là 24.000.000 (bằng chữ: hai mươi bốn triệu) đồng (theo giấy nợ đề ngày 02/5/2022).

Kể từ ngày có đơn thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong khoản tiền trên, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật dân sự 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

2. Đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về việc tranh chấp lãi suất.

3. Về án phí:

- Buộc bà Huỳnh Thị L và ông Phạm M phải nộp số tiền 1.200.000 (bằng chữ: Một triệu hai trăm nghìn) đồng án phí dân sự sơ thẩm. Án phí nộp tại **Cơ quan Thi hành án dân sự tỉnh Lâm Đồng hoặc Phòng Thi hành án dân sự khu vực 17, tỉnh Lâm Đồng.**

- Trả lại cho Nguyễn Thị N số tiền 898.000 (bằng chữ: tám trăm, chín mươi tám nghìn) đồng tạm ứng án phí đã nộp tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Đức

Linh, tỉnh Bình Thuận (nay thuộc Thị hành án dân sự tỉnh Lâm Đồng) theo biên lai thu tiền số: 0004996 ngày 22 tháng 11 năm 2024.

4. Về quyền kháng cáo: Các đương sự có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án này trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; Đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết, để Tòa án cấp trên xét xử theo trình tự phúc thẩm.

5. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thị hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thị hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND Khu vực 17;
- THADS tỉnh Lâm Đồng;
- Lưu hồ sơ vụ án, tập án văn;

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Mai Thuận